

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 32

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh canh cua biển, nấm bào ngư, rau răm, su hào, xà lách búp, hành lá, ngò rí
- Uống Sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá basa kho quẹt, hành lá
- Canh khoai lang nấu tôm tươi, húng quế
Xế: Nước chanh
Xế chiều: Mi bò sốt chua ngọt (cà chua, hành tây, nấm kim châm, cải thìa, hành lá, ngò rí)
NT nhóm 2: Cháo thịt bò, khoai lang, cải thìa

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	450	3,140	14,130
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	N0850	Mỡ heo sống	200	11,030	22,060
9	N0753	Bánh canh	400	2,860	11,440
10	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
11	0170	Rau răm	20	4,940	988
12	0172	Rau xà lách	100	6,200	6,200
13	0178	Su hào	200	5,250	10,500
14	N0810	Thịt cua tươi	200	92,400	184,800
15	0436	Cá basa (phi lê)	1,900	13,550	257,450
16	0215	Chanh	500	6,200	31,000
17	0158	Rau húng	50	11,030	5,515
18	0031	Khoai lang	800	4,200	33,600
19	0424	Tôm sú	500	32,030	160,150
20	0087	Cà chua	300	7,880	23,640
21	0097	Cải thìa (cải trắng)	100	5,040	5,040
22	0121	Hành tây	100	3,680	3,680
23	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
24	N0777	Mì sợi	300	7,760	23,280

25	0286	Thịt bò loại II	500	36,750	183,750
26	0457	Sữa bột toàn phần	525.23	20,500	107,672
Tổng chợ					1,184,000

Tổng tiền thực phẩm	1,184,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,184,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	3,515,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	3,515,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan